CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

------□±□------

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

(Phiên bản: 38 – tháng 11/2026)



Trụ sở: **Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **5**

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **5**

Điều 1. Định nghĩa 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **6**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **6**

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 11

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **11**

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 11

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 13

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 14

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 14

Điều 9. Thu hồi cổ phần 14

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT **15**

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý 15

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **15**

Điều 11. Quyền của cổ đông 15

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 16

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền 20

Điều 16. Thay đổi các quyền 20

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 25

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 27

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **27**

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 27

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 29

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 32

Điều 27. Ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị 33
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 33
Điều 29. Ủy ban kiểm toán 36
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 36
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý 36
Điều 31. Người điều hành Công ty 36
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc 37
Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty 38
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY 39
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng 39
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 39
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 40
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 41
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 41
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 41
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn 41
XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 42
Điều 39. Cổ tức 42
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 42
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 42
Điều 41. Tài khoản ngân hàng 42
Điều 42. Trích lập quỹ 42
Điều 43. Năm tài chính 43
Điều 44. Chế độ kế toán 43
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 43
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 43
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 46. Kiểm toán 43
XVI. DẤU CỦA CÔNG TY 44
Điều 47. Dấu của Công ty 44
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY 44
Điều 48. Chấm dứt hoạt động 44
Điều 49. [Bị xóa bỏ] 44
Điều 50. Gia hạn hoạt động 44
Điều 51. Thanh lý 44
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON 45
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con 45
Điều 54. Hợp nhất báo cáo tài chính giữa Công ty và các công ty con 47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 47
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 48
Điều 56. Ngày hiệu lực 48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa (dưới đây gọi là "**Công ty**"), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
   a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty và theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
   b. "Cổ phần có quyền biểu quyết" là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
   c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
   d. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
   e. "Nghị định 155/2020/NĐ-CP" có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
   f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương lần đầu.
   g. "Người điều hành" là người điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
   h. "Người quản lý" là người quản lý của Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
   i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
   j. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
   k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
   l. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
   m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
   n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
   o. "Giấy tờ pháp lý của cá nhân" là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
   p. "Các Quy chế quản lý nội bộ" là các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động quản trị, quản lý và điều hành Công ty, và các hoạt động hoặc vấn đề liên quan khác do Hội đồng quản trị ban hành tùy từng thời điểm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở hoạt động ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty; các vấn đề

liên quan đến hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác; và các quy định cụ thể về hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban, Ban thuộc Hội đồng quản trị. Để tránh hiểu nhầm, các Quy chế quản lý nội bộ sẽ không bao gồm các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.

q. "Nhóm công ty" là Công ty, công ty con và các công ty liên kết của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
   - Tên tiếng nước ngoài: THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
   - Tên viết tắt: TTC - BH
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh
   - Điện thoại: (84.276) 839 804
   - Fax: (84.276) 839 834
   - E-mail: info@ttcagris.com.vn
   - Website: http://ttcagris.com.vn/
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

   Tùy theo nhu cầu hoạt động, Công ty có thể có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật, số lượng và chức danh cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn. Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất đường	1072
2	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện sinh khối và điện năng lượng mặt trời, không bao gồm hoạt động sản xuất thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân.	3512
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện tự sản xuất, không bao gồm hoạt động phân phối thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân; không thực hiện dịch vụ phân phối điện cho bên thứ ba.	3513
4	Trồng cây mía	0114
5	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường	1079
6	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp	2012
7	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng	5610
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía đường	7499
10	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Tư vấn quản lý trong ngành sản xuất mía đường	7020
11	Sản xuất hóa chất cơ bản Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn	2011
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023.	6810

13	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; - Sản xuất chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành; - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.	1105
14	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến hàng nông sản	1030
15	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, gỗ, tre, nứa, mủ cao su, thuốc lá	4620
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	4653
17	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.	1101
18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác (trừ đường, lúa gạo).	4632
19	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào, xì gà)	4711
20	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá, thuốc lào, xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, đường mía, đường củ cải, lúa gạo.	4719
21	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đường, lúa gạo).	4722

22	Bán buôn đồ uống	4633
23	Bán lẻ đồ uống	4723
24	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào, xì gà), đồ uống lưu động hoặc tại chợ.	4721
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm: - Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513); - Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) - Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518).	4299
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường	4659
27	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ngành mía đường	3312
28	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị ngành mía đường	3320
29	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở, bao gồm: - Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512); - Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517).	4101
30	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở, bao gồm: - Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513); - Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516).	4102
31	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin, cho thuê máy chủ; không bao gồm dịch vụ bưu chính, viễn thông.	6310
32	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với vật phẩm đã ghi hình.	4651

33	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0141
34	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0142
35	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0144
36	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0145
37	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0146
38	Chăn nuôi khác Chi tiết: Chăn nuôi khác, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0149
39	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.	0150
40	Trồng cây ăn quả	0121
41	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

Nếu bất kỳ ngành, nghề kinh doanh nào trong số những ngành, nghề được nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì Công ty chỉ thực hiện ngành, nghề đó sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mục tiêu của Công ty là thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh theo lĩnh vực, chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho các lợi ích xã hội và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **9.562.454.880.000** VNĐ *(Bằng chữ: Chín nghìn năm trăm sáu mươi hai tỷ bốn trăm năm mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)*. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **956.245.488** *(Chín trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi tám)* cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:
   a. Số lượng cổ phần phổ thông: **934.634.155** *(Chín trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn một trăm năm mươi lăm)* cổ phần.
   b. Số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi: 21.611.333 (*Hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm ba mươi ba*) cổ phần.

   Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
3. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
   a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định pháp luật;
   b. Cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định pháp luật;
   c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền theo quy định pháp luật;
   d. Cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại.
      (i.) Cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại là cổ phần:
         - Được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại;

- Được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại và phù hợp với phương án phát hành đã được thông qua;
- Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại.

(ii.) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại có quyền:

- Nhận cổ tức theo quy định tại tiết (i), điểm d, khoản 3 Điều này;
- Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
- Được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại;
- Được yêu cầu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức hoàn lại và phù hợp với phương án phát hành đã được thông qua;
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Điều lệ; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.

e. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi.

(i) Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi là cổ phần:

- Được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi;
- Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi.

(ii) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi có quyền:

- Nhận cổ tức theo quy định tại tiết (i), điểm e, khoản 3 Điều này;
- Ưu tiên nhận, đối với mỗi cổ phần của cổ đông đó, tổng của (i) giá trị như tiền thặng dư bán cổ phần do Hội Đồng Quản Trị quyết định (tuy nhiên không vượt quá tỷ suất lợi nhuận nội bộ được áp dụng cho cổ đông ưu đãi theo hợp đồng phát hành và/hoặc bất kỳ thỏa thuận liên quan được ký kết giữa Công ty và cổ đông ưu đãi đó), (ii) giá đã được cổ đông ưu đãi thanh toán cho việc mua cổ phần ưu đãi (nếu giá trị này chưa được đưa vào khi tính toán giá trị ở (i) trên), và (iii) bất kỳ khoản tiền lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được trả trên cổ tức phải chi trả cho cổ đông ưu đãi, cùng bất kỳ số tiền nào khác mà Công Ty còn nợ cổ đông ưu đãi đó (nhưng chỉ áp dụng nếu các khoản tiền này chưa được đưa vào khi tính giá trị ở (i)) từ số tài sản còn lại hoặc các số tiền còn dư của Công Ty sau khi các khoản thanh toán đã được thực hiện hoặc được chuyển vào quỹ dự phòng để thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ khoản thanh toán bắt buộc nào phải được thực hiện theo quy định của luật Việt Nam trong trường hợp xảy ra các sự kiện sau đây: (i) Công Ty tiến hành thỏa hiệp hoặc sắp xếp nào với các chủ nợ/con nợ hoặc không trả nợ khi đáo hạn và việc xảy ra các sự kiện được dự kiến một cách hợp lý là dẫn đến thủ tục tuyên mất khả năng thanh toán đối với Công Ty; (ii) một thanh lý viên tạm thời hoặc chính thức được tòa án phù hợp chỉ định theo Luật áp dụng; (iii) việc tiến hành bất kỳ thủ tục thanh lý, giải thể hoặc ngưng hoạt động một cách tự nguyện hay không tự

nguyện nào đối với Công Ty; (iv) việc xảy ra việc sáp nhập, mua lại, hợp nhất hoặc một hay một loạt các giao dịch đối với Công Ty hoặc bất kỳ công ty con nào trong đó các cổ đông hiện hữu của Công Ty sau một hay một loạt các giao dịch nói trên không còn duy trì được đa số quyền biểu quyết trong đơn vị còn lại sau khi sáp nhập, mua lại, hợp nhất; hoặc (v) có việc chuyển giao (dù có nhận lại giá trị hay không) toàn bộ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) giá trị của tài sản của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty, trước khi Công Ty thanh toán cho các cổ đông phổ thông.

- Được yêu cầu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi và phù hợp với phương án phát hành đã được thông qua;
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, nhưng không có quyền: (1) biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Điều lệ; (2) dự họp Đại hội đồng cổ đông và (3) đề cử người vào Hội đồng quản trị.

f. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
   a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
   b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
   c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
   d. Cổ phần chào bán có áp dụng chiết khấu theo thỏa thuận với Nhà đầu tư. Số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định pháp luật.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị và vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ

vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị này vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có Ủy ban kiểm toán và các Ủy ban, đơn vị khác trực thuộc Hội đồng quản trị;

c. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
   d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
   h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo quy định pháp luật;
   i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được quy định tại Điều lệ Công ty;
   j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp sau đây (việc triệu tập được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ này):

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội;

e. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

4. Ngoài các quyền được quy định tại khoản 3 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các chính sách, quy định, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị;

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định vào từng thời điểm hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp quy định pháp luật..

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;
   c. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc ít hơn 2 thành viên, tùy trường hợp nào đến trước;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, trường hợp văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản thì phải tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu

triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, b Khoản 4, Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

d. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Trong mọi trường hợp, chi phí hợp lý sẽ không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán. Nội dung báo cáo tuân theo quy định pháp luật hiện hành;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Ngoài các vấn đề được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

c. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;

d. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

e. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

f. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

g. Tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

h. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

i. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

j. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

k. Chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm b khoản 7 Điều 35, Khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 Điều lệ này;

l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị;

m. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại điểm j khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

c. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch theo điểm b, khoản 9 Điều 35 Điều lệ.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Đại hội đồng cổ đông có quyền phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình vì lợi ích tốt nhất của Công ty. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền hoặc giao quyền.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   d. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu (i) được từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành và số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc (ii) được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp để thông qua việc thay đổi như khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) sở hữu tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó

(không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18, 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

   a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

   c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

   d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

   e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội và Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

   f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

   g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi tám (28) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cụ thể bao gồm:

   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

   c. Phiếu biểu quyết;

   d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 của Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để các cổ đông tham dự trực tiếp tại một địa điểm hoặc tham dự trực tuyến thông qua phương tiện điện tử hoặc kết hợp cả hai hình thức, nhằm thảo luận, biểu quyết và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
5. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
    a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các Thành viên hội đồng quản trị điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
    b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
    c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
    d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm nhưng không giới hạn ở:
    a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp trực tiếp;
    c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

11. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập cuộc họp. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 của Điều lệ này, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

   a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

   Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

   Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Thể lệ bầu cử.

   Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị) quy định tại Điều lệ Công ty. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo khoản 1

Điều 24 của Điều lệ này, các ứng viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thể lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

6. Các quyết định Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Công ty thực hiện công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này và quy định pháp luật;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
    b. Mục đích lấy ý kiến;
    c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
    d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
    e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
    f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
    a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ

chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

d. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

   e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty và công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp (i) chủ tọa hoặc thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc (i) chủ tọa hoặc thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này;

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ, Hội đồng quản trị xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất có thể để giải quyết những vấn đề phát sinh của phần Nghị quyết bị hủy bỏ.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhưng phải bảo đảm số lượng thành viên độc lập tối thiểu theo khoản 4 Điều 276 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và có tối thiểu một phần hai (½) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không

quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Các cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ngày gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử tối đa năm (05) ứng viên; sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được ứng cử, đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm phải giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

   Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

   c. Quá trình công tác;

   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác của công ty khác);

   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

   f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên hội đồng quản trị (nếu có); và

   g. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định pháp luật;

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:

   a. Các trường hợp miễn nhiệm:

      (i.) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; hoặc

(ii.) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

b. Các trường hợp bãi nhiệm:

(i.) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp tại điểm a, điểm b Khoản này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị ngay khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
   a. Kết thúc nhiệm kỳ;
   b. Chết hoặc bị tòa án tuyên bố đã chết;
   c. Bị tòa án tuyên bố mất tích;
   d. Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự;
   e. Bị tòa án tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
   f. Bị tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự; hoặc
   g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên bị giảm quá 1/3.
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và Khoản 3 Điều 13, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.
8. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; thực hiện giám sát, đánh giá việc triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển và các mục tiêu trọng yếu của Công ty, nội dung chi tiết về việc giám sát và đánh giá được quy định cụ thể trong quy chế giám sát của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành vào từng thời điểm;
   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; quyết định việc phát hành trái phiếu ra công chúng (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) bao gồm nhưng không giới hạn phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, quyết định việc đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, phê duyệt hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan khác theo quy định pháp luật.

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; điểm b khoản 7 Điều 35, khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này.

j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l. Thiết lập, ban hành và sửa đổi khung quản trị của Công ty, bao gồm cơ cấu tổ chức, chính sách, quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

m. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết và các pháp nhân khác thuộc Nhóm công ty theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ của pháp nhân có liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

t. Hủy bỏ hoặc thay đổi các quyết định của Tổng giám đốc nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;

u. Ban hành nghị quyết yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo chỉ đạo, hướng dẫn của Hội đồng quản trị;

v. Giám sát việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ và quản trị phát triển bền vững của Công ty trong từng thời kỳ; và

w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và các quyền không được quy định rõ ràng là thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng giám đốc.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

f. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc Hội đồng quản trị.

g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

h. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

i. Các kế hoạch trong tương lai.

4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải vì lợi ích tốt nhất của Công ty, được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền hoặc giao quyền. Những chủ thể được HĐQT phân quyền hoặc giao quyền không được phân quyền hoặc giao quyền lại cho cá nhân, đơn vị khác, trừ khi được HĐQT chấp thuận.

5. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao phù hợp với quy đinh pháp luật, Điều lệ Công ty, chính sách chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành vào từng thời điểm. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Chính sách chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc:

(i) Thù lao thành viên Hội đồng quản trị được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm, phạm vi công việc, trách nhiệm thực thi, đóng góp và cam kết thời gian của mỗi thành viên Hội đồng quản trị.

(ii) Đối với Thành viên Hội đồng quản trị điều hành, ngoài thù lao, còn được Công ty chi trả thưởng, phúc lợi và các lợi ích khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty.

(iii) Đối với thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị, cơ cấu thù lao phải bảo đảm tính khách quan, độc lập trong việc thực hiện chức năng quản trị, giám sát và bảo vệ lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

(iv) Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Các chi phí này không được xem là thù lao, thưởng hoặc lợi ích khác mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.

6. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, và Người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có).

   Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

   Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời kỳ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức, không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 27. Ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Tổng số cuộc họp của Hội đồng quản trị trong một năm ít nhất là 06 lần. Trong đó, Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Kế hoạch, lịch họp định kỳ hàng năm được Hội đồng quản trị lập trước khi bắt đầu năm tài chính

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

   d. Có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để bàn về báo cáo tài chính kiểm toán;

   e. Khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

   Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp

Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

9. Số thành viên tham dự tối thiểu:

   a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

   b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a khoản 9 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết

   a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 28 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên đó (nếu có) không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên đó (nếu có) sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm Khoản 10 Điều 28 thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 9 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.

e. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mời người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Người được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, nêu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó hoặc sử dụng chức danh đang nắm giữ tại Công ty để thực hiện các giao dịch đem lại lợi ích cho mình, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp và có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết ngang nhau, vấn đề sẽ không được thông qua. Để làm rõ, người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền không được biểu quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của mình.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty theo quy định của pháp luật. Trường hợp (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quy định các nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

    Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cần họp tối thiểu hai lần mỗi năm mà không có sự hiện diện của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành. Cuộc họp riêng này là cơ chế trao đổi và thảo luận độc lập của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, không được tính vào số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu phải tổ chức trong năm. Trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp này do Hội đồng quản trị quy định

Điều 29. Ủy ban kiểm toán

1. Công ty có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, trong đó có ít nhất 02 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban kiểm toán; quyền và nghĩa vụ; cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và chi phí hoạt động thực hiện theo quy định pháp luật và được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng hoặc thuê Người điều hành khác của Công ty cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. Tiền lương của người quản lý và người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

   Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và, Điều lệ công ty. Bên cạnh đó, Tổng giám đốc còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác:

   a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về điều hành công ty;

   b. Tổng giám đốc và người có liên quan đang không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại bất kỳ công ty nào có ngành nghề hoạt động tương tự Công ty, trừ công ty con và công ty liên kết của Công ty; và

   c. Tổng giám đốc và người có liên quan không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp, trừ công ty con và công ty liên kết của Công ty.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   c. Vào ngày 31 tháng 05 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;

   d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

   e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

   f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

   h. Tuyển dụng lao động;

   i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

   j. Từ chối thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu có cơ sở rõ ràng rằng nghị quyết, quyết định đó mâu thuẫn hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, và phải thông báo cho Hội đồng quản trị ngay khi từ chối thực hiện; và

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

4. Tổng giám đốc có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Người điều hành khác và/hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, và phải báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

   Đối với trường hợp Tổng Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc.

Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
   b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
   c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
   d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
   e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán;
   g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho (i) cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân; và (ii) cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, cụ thể:
   a. Hội đồng quản trị chấp thuận giao dịch tại khoản 7 Điều này có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, và
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch tại Khoản 7 Điều này.
8. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Riêng trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, thuộc thẩm quyền thông qua bởi Hội đồng quản trị,

b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

9. Giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, đối tượng có liên quan đã được người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch thông báo với thành viên Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch, đối tượng có liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất: những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, đối tượng có liên quan đã được người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch thông báo cho Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

10. Đối với các hợp đồng, giao dịch không được ký kết giữa Công ty và các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều này, nhưng có đầy đủ cơ sở hợp lý để chứng minh vì lợi ích trực tiếp của các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều này: người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch mà biết rõ về nội dung này phải thông báo với Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng

quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty, biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Việc lưu trữ được thực hiện dưới hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận sau thuế của Công ty. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận sau thuế và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật.
2. Trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty, với điều kiện cổ tức tạm ứng không được vượt quá mức cổ tức mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chi trả của năm đó.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Trích lập quỹ

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do

Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên phương án do Hội đồng quản trị lập. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định kiểm soát, quản lý và sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) tháng Bảy (07) dương lịch và kết thúc vào ngày Ba mươi (30) tháng Sáu (6) dương lịch của năm tiếp theo. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông

tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 47. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
   b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
   d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. [Bị xóa bỏ]

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thông qua thời hạn hoạt động mới của Công ty.
2. Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc thỏa thuận, giữa:
   a. Cổ đông với Công ty; hoặc
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành.
2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc thương lượng và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
3. Trường hợp không thương lượng được trong vòng 06 (sáu) tuần từ ngày bắt đầu quá trình thương lượng, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và giải quyết tranh chấp.

XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con

1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết

a. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con.

b. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

c. Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông và buộc công ty con, công ty liên kết phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con, công ty liên kết thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

d. Công ty và Người quản lý doanh nghiệp của Công ty chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp về việc can thiệp buộc công ty con, công ty liên kết thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản này.

e. Công ty thực hiện vai trò định hướng, giám sát đối với hệ thống công ty con, công ty liên kết thuộc phạm vi, quyền lợi và trách nhiệm của Công ty với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành

viên góp vốn hoặc cổ đông, trên cơ sở quy định pháp luật, điều lệ của các pháp nhân có liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên. Việc định hướng, giám sát không làm thay đổi hoặc thay thế thẩm quyền quản trị, quản lý và điều hành của từng pháp nhân theo quy định pháp luật và Điều lệ của pháp nhân đó.

2. Quản trị Công ty đối với công ty con, công ty liên kết

a. Khung và nguyên tắc quản trị công ty của Nhóm công ty được xây dựng dựa trên các trụ cột quan trọng do Hội đồng quản trị quyết định. Các trụ cột và nguyên tắc này được Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và các thỏa thuận giữa Công ty với các công ty thuộc Nhóm công ty, trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và không làm thay đổi thẩm quyền luật định của cơ quan quản trị, quản lý tại từng pháp nhân.

b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các Quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở định hướng giám sát và điều phối trong phạm vi quyền của Công ty với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông đối với các công ty thuộc Nhóm công ty, phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận của Nhóm công ty. Các Quy chế quản lý nội bộ được ban hành dựa trên các nguyên tắc do Hội đồng quản trị quyết định và không được diễn giải thành quyền quản trị hoặc điều hành trực tiếp vượt quá thẩm quyền hợp pháp của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết.

c. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức soạn thảo thỏa thuận giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết để thiết lập các nguyên tắc chung về quản trị công ty, cơ chế phối hợp và quản lý doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty, công ty con, công ty liên kết.

d. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm định hướng và tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ tại công ty con theo thỏa thuận với công ty con và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đồng thời bảo đảm các cơ chế này được thực hiện theo cách tôn trọng tính độc lập pháp lý, cơ cấu quản trị và thẩm quyền quản lý của công ty con.

e. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Tổng Giám đốc hoặc chủ thể khác thực hiện các công việc tại Điều này phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giao dịch liên kết giữa công ty và các công ty con, công ty liên kết

a. Hội đồng quản trị ban hành quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các nội dung liên quan khác về việc ký kết, xác lập và thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết, và các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan của Công ty, bao gồm cơ chế nhận diện và công bố lợi ích liên quan, nguyên tắc tự loại trừ của người có lợi ích liên quan, yêu cầu lưu vết hồ sơ giao dịch, tiêu chí đánh giá tính công bằng của giao dịch và cơ chế rà soát, giám sát hoặc hậu kiểm đối với các giao dịch trọng yếu theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

b. Công ty có trách nhiệm kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn.

4. Người đại diện theo ủy quyền của công ty tại công ty con, công ty liên kết và tổ chức khác

a. Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại Công ty con, tổ chức khác, và gửi văn bản cử người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức đó. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ nội dung được quy định tại Khoản 4, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.

b. Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, hoặc thành viên góp vốn của tổ chức khác, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có thể được Hội đồng quản trị của Công ty đề cử làm thành viên hội đồng quản trị,

thành viên hội đồng thành viên hoặc kiểm soát viên, hoặc nắm giữ các chức danh quản lý hoặc điều hành khác tại tổ chức đó.

c. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý người đại diện phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thù lao, tiền lương và lợi ích khác, giám sát, đánh giá hoạt động, nghĩa vụ báo cáo định kỳ và bất thường, nghĩa vụ xin ý kiến trước đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc vấn đề bảo lưu, cơ chế xử lý xung đột lợi ích và các nội dung khác liên quan đến quản lý người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và tổ chức khác.

5. Báo cáo và giải trình

Công ty định hướng việc thiết lập khung báo cáo quản trị áp dụng cho Nhóm công ty, công ty con, công ty liên kết.

Điều 54. Hợp nhất báo cáo tài chính giữa Công ty và các công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:
   a. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;
   b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty và công ty con;
   c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty và công ty con.
2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con.
3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.
4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý Công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý Công ty vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa nhất trí sửa đổi thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2026, chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 3900244389 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
TỈNH TÂY NINH

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY